

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT

Ngày 20-11-2019

V/v Ly hôn; Tranh chấp tài sản
chung, nợ chung khi ly hôn; tranh
chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tỷ

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Nguyên

Bà Nguyễn Thị Như Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Huy

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham dự phiên tòa:

Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên

Ngày 20/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/-TLPT-HNGĐ ngày 15/11/2019 về “Ly hôn; Tranh chấp tài sản chung, nợ chung khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 519/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc V, sinh năm 1978

Trú tại: Khu Quy hoạch N, Hẻm N, tổ 9, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Đắc V: Luật sư Hoàng Minh T, sinh năm 1977 – Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: Số 157 đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1980

Trú tại: Khu Quy hoạch N, Hẻm N, tổ 9, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Đắc B, sinh năm 1972

Trú tại: Tổ 3, khu 9, phường T, thành phố Q, tỉnh B Định

3.2. Chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1995

Trú tại: Số 702/116/10 đường L, phường 15, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Anh Trần Vũ Quốc Đ, sinh năm 1991

Trú tại: Số 94/3 đường H, phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam– Chi nhánh Kon Tum;

Địa chỉ: 01A đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Trần Như V – Chức vụ: Trưởng Phòng khách hàng cá nhân

3.5. Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum-Phòng giao dịch Trung tâm Thương mại

Địa chỉ: 198 đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị Thanh H – Trưởng phòng tổng hợp (Văn bản ủy quyền số 1107/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 24/12/2018)

4. Người kháng cáo: bị đơn Chị Võ Thị Ngọc L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2018; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Đắc V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2/2017 đến ngày 05/6/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn đồng thời cũng đang trong quá trình xây nhà thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là từ tháng 10/2018 đến nay. Nguyên nhân là do chị L không tin tưởng anh về mặt tình cảm, thường xuyên ghen vô cớ, xúc phạm anh nhiều lần. Tháng 5/2018 anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L, sau đó anh rút đơn về đoàn tụ nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xác định không còn tình cảm với chị L nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, đề nghị

Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn. Anh chị không có con.

2. Về hai yêu cầu phản tố của chị Võ Thị Ngọc L, gồm chia tài sản chung là căn nhà và các vật dụng khác; yêu cầu anh trả số tiền 110.000.000 đồng cho chị L:

- Đối với căn nhà và các vật dụng khác: Anh đồng ý tài sản tranh chấp và giá trị tài sản đúng như biên bản xem xét, thẩm định và biên bản định giá tài sản ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K. Chi phí xây dựng căn nhà và mua các vật dụng khoảng 600.000.000 đồng. Nguồn tiền để xây dựng căn nhà và mua sắm vật dụng là từ các khoản nợ gồm: 450.000.000 đồng vay tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh tỉnh Kon Tum (200.000.000 đồng vay ngày 17/5/2017 và 250.000.000 đồng vay ngày 07/7/2017); 120.000.000 đồng của chị Võ Thị Mỹ T; 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức B và cô L có đóng góp 110.000.000 đồng để trả tiền vật liệu. Các khoản vay đều là của riêng anh, không liên quan đến chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án anh có yêu cầu các khác khoản nợ này nhưng tại phiên tòa hôm nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với số tiền chị L yêu cầu anh trả số tiền 110.000.000 đồng: Đây là khoản tiền chị L đưa cho anh nhiều lần để trả tiền vật liệu, tiền công xây nhà trong thời gian xây nhà, không phải là khoản vay riêng, khoản tiền này chị L đã thừa nhận góp để xây nhà tại tin nhắn ngày 28/10/2018.

Yêu cầu cụ thể: Khi xây nhà chị L đóng góp 110.000.000 đồng, nay vợ chồng ly hôn, anh đang sinh sống trong căn nhà này nên sẽ tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà và có nghĩa vụ trả lại cho chị L 110.000.000 đồng (vì căn nhà xây dựng trên thửa đất của cá nhân anh). Nếu chị L không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 08/10/2018; ngày 10/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị Ngọc L trình bày và yêu cầu:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn chị công nhận như anh V trình bày. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn, thực tế trong thời gian chung sống anh V có người phụ nữ khác nhưng chị chưa có chứng cứ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 12/2018 anh V dọn ra ở riêng, đến tháng 4/2019 chị bắt gặp và có chứng cứ nộp cho Tòa án. Nay anh V khởi kiện yêu cầu ly hôn, mặc dù chị không còn tình cảm với anh V nhưng vì chị và anh V đều xây dựng gia đình lần thứ hai nên nguyện vọng của chị muốn được đoàn tụ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị không có con chung.

2. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị tạo lập được 01 (một) căn nhà cấp 4 cùng các vật dụng khác đã được thể hiện trong biên bản xem xét, thẩm định và biên bản định giá tài sản ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K. Chi phí xây dựng căn nhà và mua các vật dụng khoảng

750.000.000 đồng đều do một mình chị bỏ ra, anh V không đóng góp khoản tiền nào. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

2. Đối với số tiền 110.000.000 đồng anh V vay của chị vào tháng 4/2017, không có giấy tờ gì, không có lãi, không có thời hạn vay nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Nay vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V trả lại cho chị số tiền này.

Tại văn bản ngày 05/8/2019 Ngân hàng TMCP Đ trình bày: Anh Nguyễn Đắc V có vay tại Ngân hàng số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 29/3/2019 và ngày 4/4/2019 anh V đã tắt toán toàn bộ tiền gốc và lãi của khoản vay này nên Ngân hàng không còn liên quan gì trong vụ án, không có yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 Tòa án nhân dân thành phố K đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 38, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 26; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của anh Nguyễn Đắc V đề ngày 24/9/2018.

Chấp nhận đơn yêu cầu phản tố về việc “Chia tài sản chung khi ly hôn” của chị Võ Thị Ngọc L đề ngày 08/10/2018.

Không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của chị Võ Thị Ngọc L đề ngày 10/10/2018.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đắc V được ly hôn chị Võ Thị Ngọc L.

2. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Đắc V được quyền sở hữu căn nhà cấp IV, diện gắn liền với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 40 tại đường N, khu quy hoạch N, tổ 9, Phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum theo Giấy CNQSDĐ số CE 441611 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/4/2017 cho anh Nguyễn Đắc V và các tài sản khác có tổng giá trị: **485.997.000** đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng), trong đó căn nhà, trị giá 450.970.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Các vật dụng khác, trị giá 35.027.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không

trăm hai mươi bảy nghìn đồng), gồm: 01 bộ sa long gỗ keo: 5.250.000 đồng; 01 bộ sa long gỗ sồi: 4.375.000 đồng; 01 bàn trang điểm gỗ sồi: 1.488.000 đồng; 01 giường gỗ sồi 1.8m: 3.238.000 đồng; 01 tủ ba ngăn gỗ sồi: 5.250.000 đồng; 01 tủ dép gỗ sồi: 1.488.000 đồng; 01 bộ rèm cửa: 5.688.000 đồng; 01 nệm Hàn Quốc hiệu Happy: 1.400.000 đồng; 03 quạt treo tường hiệu LiFan: 600.000 đồng/3 cái; 01 máy điều hòa: 5.250.000 đồng; 01 lò nướng: 1.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Đắc V có nghĩa vụ thanh toán cho chị Võ Thị Ngọc L số tiền 145.799.100 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn một trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Đắc V có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Võ Thị Ngọc L 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Võ Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Đắc V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên hoặc thực hiện không đầy đủ thì hàng tháng anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Sau khi anh V thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền cho chị L, anh V được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục quyền sở hữu nhà ở đối với căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Anh Nguyễn Đắc V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

- Án phí dân sự:

+ Chị L phải chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu phản tố số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) không được chấp nhận 5%) và 7.289.955 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) đối với phần tài sản được chia. Tổng số tiền án phí chị L phải chịu là: 12.789.955 đồng (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền 17.750.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002354 ngày 08/10/2018 và biên lai số 0002374 ngày 25/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị L được nhận lại 4.960.045 đồng (Bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

+ Anh Nguyễn Đắc V phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia là 17.009.895 đồng (Mười bảy triệu không trăm lẻ chín nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng). Tổng số tiền án phí mà anh V phải nộp là 17.309.895 đồng ((Mười bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002318 ngày 26/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Anh V

còn phải nộp tiếp 17.009.895 đồng (Mười bảy triệu không trăm lẻ chín nghìn tám trăm chín lăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2019 chi Võ Thị Ngọc L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung là ngôi nhà và các vật dụng trong nhà, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia đôi theo tỷ lệ 50/50, chị L nguyện vọng xin nhận căn nhà và các vật dụng trong nhà và thanh toán lại tiền cho anh V; Về hợp đồng vay tài sản: yêu cầu anh V trả cho chị L số tiền 110 triệu đồng vay trước thời kỳ hôn nhân; đối với số tiền 110 triệu chị L góp xây nhà, đề nghị được chia 55 triệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Kon Tum:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: bản án số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa Ngân hàng TMCP C-Chi nhánh Kon Tum vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm Điều 70, 73 chương VI Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum về phần tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Võ Thị Ngọc L còn trong thời hạn luật định; tại phiên tòa phúc thẩm, anh V không rút đơn khởi kiện, chị L

giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị L:

- Về yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50/50, chị L nguyện vọng xin nhận căn nhà và các vật dụng trong nhà và thanh toán lại tiền cho anh V:

Xét thấy, căn nhà và các vật dụng trong nhà được hình thành chủ yếu từ nguồn tiền anh V vay tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh tỉnh Kon Tum số tiền 450.000.000 triệu đồng, vay của chị Võ Thị Mỹ T 120 triệu đồng, anh Nguyễn Đắc B 20 triệu đồng và chị L đóng góp vào 110 triệu đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh V và chị L đều công nhận anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2/2017 đến ngày 11/5/2017 thì khởi công xây nhà và đến ngày 5/6/2017 anh chị đăng ký kết hôn. Do đó, có cơ sở khẳng định căn nhà và các vật dụng trong nhà là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và số tiền này đều là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của hai vợ chồng. Tuy nhiên, trừ khoản tiền của chị L đóng góp ra, còn lại anh V đều một mình tự thanh toán, chị L không phải thanh toán khoản nào. Mặt khác, ngôi nhà được xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh V có trước thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, xét về công sức đóng góp, xây dựng hình thành khối tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia tài sản chung tỷ lệ anh V 70%, chị L 30%, giao căn nhà và các vật dụng trong nhà cho anh V sử dụng, anh V phải thanh toán lại cho chị L số tiền 145.799.100 triệu đồng là phù hợp.

- Về yêu cầu anh V trả cho chị L số tiền 110 triệu đồng vay trước thời kỳ hôn nhân; đối với số tiền 110 triệu đồng chị L góp xây nhà, đề nghị được chia 55 triệu:

Xét thấy, khoản tiền 110.000.000 đồng chị L cho rằng đây là khoản tiền anh V vay của chị vào tháng 4/2017, anh V cho rằng khoản tiền này là tiền chị L đóng góp để xây nhà, không phải là tiền vay riêng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L cung cấp 01 tin nhắn đề ngày 21/6/2018 có nội dung: “Anh nợ em 110 tr thì anh vẫn trả cho em” (BL số 137), anh V công nhận tin nhắn này là do anh gửi cho chị L. Anh V cung cấp 01 tin nhắn đề ngày 28/10/2018 từ số điện thoại của chị L số 0971567067 gửi cho anh V có nội dung “Em góp 110 triệu xây nhà...” (BL số 76), chị L cũng công nhận tin nhắn này chị đã gửi cho anh V. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh V đều công nhận trong vụ án này chỉ có một khoản tiền 110.000.000 đồng, anh V vay của chị L nhưng sau đó chị L tự nguyện góp vào để xây nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm khẳng định số tiền 110.000.000 đồng là khoản tiền chị L đóng góp để xây nhà, không phải là khoản tiền anh V vay của chị trước thời kỳ hôn nhân là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, anh V khai sau khi tắt toán với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh tỉnh Kon Tum vào ngày 19/3/2019 và 04/4/2019. Đến ngày 14/5/2019 anh V tiếp tục thế chấp GCNQSDĐ số CE 441611 do Sở TNMT tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/4/2017 tại Ngân hàng TMCP C Việt Nam- Chi

nhánh tỉnh Kon Tum - Phòng giao dịch Trung tâm thương mại để vay vốn theo hợp đồng số 225/2019-HĐCVHM/NHCT510 ngày 14/5/2019. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh theo lời khai của anh V và Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum đã có văn bản yêu cầu trong trường hợp Tòa án giải quyết phân chia tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng thì yêu cầu anh V phải hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ toàn bộ tiền gốc, lãi phát sinh và các chi phí liên quan nêu có.

Như vậy, thời gian anh V thế chấp GCNQSDĐ nói trên là thời gian Tòa án cấp sơ thẩm đang giải quyết vụ án, căn nhà vẫn là tài sản chung của anh V và chị L, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng TMCP C Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Kon Tum vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã hỏi anh V về vấn đề này nhưng anh V đều khai sau khi tắt toán với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Kon Tum vào ngày 19/3/2019 và 04/4/2019 thì GCNQSDĐ anh V đang giữ, không thế chấp chỗ nào khác, đến quá trình xét xử phúc thẩm anh V mới khai đã thế chấp GCNQSDĐ CE 441611 do Sở TNMT tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/4/2017 tại Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum theo hợp đồng hợp đồng số 225/2019-HĐCVHM/NHCT510 ngày 14/5/2019. Vì vậy, hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định đây là tình tiết mới của vụ án phát sinh trong quá trình xét xử phúc thẩm, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum cần hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Vì bản án sơ thẩm bị hủy nên không xem xét nội dung kháng cáo của chị Võ Thị Ngọc L.

Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “ *Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án*”.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum về phần tài sản chung.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Võ Thị Ngọc L không phải chịu. Hoàn trả cho chị L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0000/AA/2019 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Kon Tum.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án (20/11/2019)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố K;
- Chi cục THADS TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tỷ